

Bản án số: 18/2024/DS-PT

Ngày 15-01-2024.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng;
Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2023/DS-ST, ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 325/2023/QĐ-PT, ngày 27/11/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số A, Khóm G, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Việt C1, sinh năm 1969; địa chỉ: Số D (hẻm B) Đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 20-7-2023, có mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn D, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bà Phan Thị M, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc

Trăng (có đơn yêu cầu vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. Bà Trần Thị N, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có đơn yêu cầu vắng mặt).

5. Ông Tăng Văn H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Khóm G, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

** Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

** Nguyên đơn Nguyễn Văn K trình bày:* Ông có bán lúa cho ông Nguyễn Văn C 02 lần, cụ thể là:

- Ngày 18-7-2021 âm lịch, bán 10.969kg, trừ bao 21kg, với giá tiền là 5.500đ/kg, thành tiền là 60.214.000đ.

- Ngày 20-7-2021 âm lịch, bán 2.325kg, trừ bao 05 kg, với giá tiền là 5.500đ/kg, thành tiền là 12.760.000đ.

Tổng số tiền của 02 lần bán lúa là: 60.214.000đ + 12.760.000đ = 72.974.000đ.

Đến ngày 15-8-2021 âm lịch, ông C đã trả cho ông K được 32.000.000đ, còn nợ lại 40.974.000đ đến nay chưa trả.

Vì vậy, ông Nguyễn Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn C phải trả cho ông số tiền 40.974.000đ. Nếu trả 01 lần thì không tính lãi, nếu trả nhiều lần thì yêu cầu tính lãi theo lãi suất quy định của Nhà nước và thời gian tính lãi kể từ ngày 16-8-2021 âm lịch.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, đối với số tiền bán lúa 72.974.000đ, bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn một lần duy nhất là ngày 12-8-2021 âm lịch nhưng khi khởi kiện nguyên đơn ghi nhầm ngày 15-8-2021 âm lịch. Cụ thể, trong lần trả tiền ngày 12-8-2021 âm lịch thì bị đơn giao cho nguyên đơn số tiền 40.000.000đ, nhờ nguyên đơn giao lại cho những người bán lúa chung là bà Phan Thị M 5.000.000đ, bà Trần Thị N 3.000.000đ, nguyên đơn chỉ giữ lại 32.000.000đ. Nay phía bị đơn ông Nguyễn Văn C không thừa nhận việc có nhờ ông trả tiền dùm cho 02 người này nên ông rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lúa 8.000.000đ để bà Phan Thị M và bà Trần Thị N khởi kiện đòi ông C trả bằng vụ án khác. Do đó, nguyên đơn K yêu cầu bị đơn C trả số tiền mua lúa còn thiếu là 32.974.000đ, yêu cầu trả một lần và không yêu cầu tính lãi.

** Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn C như sau:*

- Tại Văn bản trả lời thông báo thụ lý ngày 21-11-2022, ông Nguyễn Văn C trình bày: Vào khoảng tháng 7 năm 2021 âm lịch, ông có mua lúa của ông K với số tiền từ 30 đến 31 triệu đồng, do lâu quá ông không nhớ cụ thể. Kể từ đó, ông C không có mua lúa gì của ông K nữa. Tiếp đó, ông K có cất lúa và tự chở lúa từ nhà của ông K đến giao cho 01 ghe lúa của tỉnh Long An đang đậu tại ấp L, xã T, thị xã N mà ông C không hề hay biết. Do đó, ông C cho rằng ông K đã tự giao lúa cho ghe của người khác, không phải ghe lúa của ông C. Nay bằng văn bản này ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K, yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K về việc đòi ông trả số tiền 40.974.000đ.

- Tại Đơn yêu cầu ngày 27/3/2023, ông Nguyễn Văn C trình bày: Quá trình ông mua lúa của ông K thì sổ sách mã cân lúa của ông K ghi đã cung cấp cho Tòa án; còn phía sổ sách của bên ông C ghi cũng có mã cân lúa của ông K, ông ghi cũng trùng khớp với ông K.

Riêng phần tiền lúa giữa ông và ông K đã chốt với nhau ngay thời điểm cân lúa là ông nợ ông K 72.000.000đ, phần tiền lúa ông trả cho ông K là 02 đợt, đợt trước là 32.000.000đ đúng như đơn khởi kiện mà ông K đã kiện ông vào ngày 15-12-2021, phần tiền này ông K đã nhận tiền mặt mà không có ghi biên nhận là đúng với thực tế. Còn đợt sau là 40.000.000đ ông đã trả cho ông K vào ngày 12-8-2021, ông K có làm biên nhận ghi trong cuốn sổ của ông, tự tay ông K đã viết và ký tên nhận tiền. Do đó, ông C cho rằng việc mua bán lúa giữa ông và ông K đã tính tiền giải quyết dứt điểm không ai nợ ai tính từ thời điểm ngày 12-8-2021. Nay ông K khởi kiện là không đúng sự thật, yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2023/DS-ST, ngày 14/8/2023 đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 431, Điều 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn K về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn C trả số tiền mua lúa nguyên đơn đã giao cho bà Phan Thị M, bà Trần Thị N là 8.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn K.

Buộc bị đơn Nguyễn Văn C trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn K số tiền mua lúa còn nợ là 32.974.000 đồng (ba mươi hai triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền lãi chậm thi hành án, tiền án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 28/8/2023 bị đơn Nguyễn Văn C kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn K đòi số tiền nợ còn lại là 32.974.000đ.

- Xét lại án phí cho ông C không phải chịu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn C thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, cụ thể như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn K đòi số tiền nợ còn lại là 32.974.000đ. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn C về việc đồng ý trả cho nguyên đơn K số tiền 974.000 đồng.

- Xét lại án phí cho ông C không phải chịu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn K không rút lại đơn khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn C không rút lại đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên, phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

- + *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- + *Về nội dung kháng cáo*: Bị đơn C không chứng minh được kháng cáo của mình là có căn cứ pháp luật, trong khi nguyên đơn K không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bị đơn C. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- + Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn C là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ, được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận và tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

+ Những người là chứng gồm: Bà Phan Thị M và bà Trần Thị N có đơn yêu cầu vắng mặt còn người làm chứng Tăng Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng họ vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, các đương sự có mặt và Kiểm sát viên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt những người có tên nêu trên theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt những người có tên nêu trên.

+ Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn C thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, cụ thể là:

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn K đòi số tiền nợ còn lại là 32.974.000đ. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn C về việc đồng ý trả cho nguyên đơn K số tiền 974.000đ.

- Xét lại án phí cho ông C không phải chịu.

Xét thấy, việc thay đổi 01 phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn C là trong phạm vi kháng cáo ban đầu. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận việc thay đổi một phần nội dung kháng cáo của bị đơn C.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Bị đơn C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn K đòi số tiền nợ còn lại là 32.974.000đ. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn C về việc đồng ý trả cho nguyên đơn K số tiền 974.000đ.

- Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại tiền án phí sơ thẩm mà bị đơn C phải chịu.

Nguyên đơn K không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bị đơn C, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2-1] Xét kháng cáo của bị đơn C về việc đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn K về việc buộc bị đơn C phải trả số tiền mua lúa còn thiếu là 32.974.000đ, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn C về việc đồng ý trả cho nguyên đơn K số tiền 974.000đ, thì thấy rằng:

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn K và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn C đều thừa nhận: Các bên có mua bán lúa với nhau 02 lần với tổng số tiền là: 72.974.000đ và ngày 12-8-2021 các bên có làm giấy giao nhận tiền lúa, với số tiền là 40.000.000đ. Vì vậy, đây các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Bị đơn C trình bày:

Ông đã trả tiền mua lúa cho ông K 02 lần, cụ thể là:

- Lần 1: Trả ngày 12-8-2021 âm lịch, trả 40.000.000 đồng, có ghi biên nhận tại nhà ông Tăng Văn H.

- Lần 2: Trả ngày 15-8-2021 âm lịch, trả 32.000.000 đồng, không làm biên nhận nhưng được nguyên đơn K thừa nhận khi làm đơn khởi kiện.

+ Nguyên đơn K trình bày:

- Khi khởi kiện ông có ghi: “ngày 15-8-2021 âm lịch ông C đã trả cho tôi số tiền 32.000.000 đồng, hiện ông C còn thiếu tôi số tiền là 40.974.000 đồng”. Do ông K không cầm biên nhận nên ghi nhầm ngày trả tiền 12-8-2021 thành ngày 15-8-2021, ông K nhận 40.000.000đ tiền lúa từ ông C nhưng ông K nhận dùm bà Phan Thị M là 5.000.000đ và nhận dùm bà Trần Thị N là 3.000.000đ, số tiền bán lúa ông K thực nhận là 32.000.000đ. Vì vậy, khi khởi kiện ông K ghi đã nhận 32.000.000đ nên kiện đòi 40.974.000đ ($72.974.000đ - 30.000.000đ = 40.974.000đ$) tiền bán lúa còn lại.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, do ông C không thừa nhận có nhờ ông K đem trả tiền lúa cho bà M 5.000.000đ và trả cho bà N là 3.000.000đ. Vì vậy, ông K cũng đồng ý xác nhận số tiền ông đã nhận của ông K là 40.000.000đ và kiện đòi ông C phải trả số tiền lúa còn lại là 32.974.000đ ($72.974.000đ - 40.000.000đ = 32.974.000đ$).

Lời trình bày nêu trên của nguyên đơn K, là phù hợp với lời trình bày của bà M về việc bà M có nhận tiền lúa từ ông K là 5.000.000đ và lời trình bày của bà N về việc bà N có nhận tiền lúa từ ông K là 3.000.000đ. Vì vậy, lời trình bày của ông K về việc chỉ nhận tiền lúa của ông K 01 lần với số tiền 40.000.000đ là có cơ sở nên được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

- Bị đơn C chỉ chứng minh đã trả tiền mua lúa được 01 lần vào ngày 12-8-2021 âm lịch, với số tiền là 40.000.000đ, Bị đơn C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh ngày 15-8-2021 âm lịch, bị đơn C đã trả cho nguyên đơn K số tiền mua lúa là 32.000.000đ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bị đơn C phải trả số tiền mua lúa còn thiếu cho nguyên đơn K là 32.974.000đ, là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Do bị đơn C và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn C, không chứng minh được số tiền bị đơn C đã trả cho nguyên đơn K 02 lần là 72.000.000đ và đồng ý trả cho nguyên đơn K số tiền còn lại là 974.000đ ($72.974.000đ - 72.000.000đ = 974.000đ$), trong khi nguyên đơn K không thừa nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn C về việc ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn C đồng ý trả cho nguyên đơn K số tiền mua lúa còn thiếu là 974.000đ.

[2-2] Xét kháng cáo của bị đơn C về việc đề nghị Tòa án xem xét về số tiền án phí sơ thẩm, thì thấy rằng:

Cấp sơ thẩm buộc bị đơn C phải chịu tiền án phí sơ thẩm, tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn K, là đúng quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do kháng cáo của bị đơn C về số tiền bị đơn C phải trả cho nguyên đơn K không được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cũng

không chấp nhận kháng cáo của bị đơn C, về việc yêu cầu xem xét lại tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về việc không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với các phân tích đã được viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của bị đơn C không được chấp nhận. Vì vậy, bị đơn C phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định tại khoản 01 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 01 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn C.

I- Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 91/2023/DS-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 431, Điều 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn K về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn C trả số tiền mua lúa nguyên đơn đã giao cho bà Phan Thị M, bà Trần Thị N là 8.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn K.

Buộc bị đơn Nguyễn Văn C trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn K số tiền mua lúa còn nợ là 32.974.000 đồng (ba mươi hai triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.648.700 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm đồng).

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.024.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002720 ngày 21-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

II- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bị đơn C đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009340 ngày 28/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn C đã nộp đủ án dân sự phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung)./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung